

**Phụ lục I**  
**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHỎI HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP NĂM 2015**  
**CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÁC ĐOÀN THỂ**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Bình Dương)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Các chỉ tiêu					Dự toán thu năm 2015		Dự toán chi năm 2015			Trong đó														
		QĐ giao BC	BC thực hiện	HS, ĐT	GB	ĐM HS, GB, TV	Tổng thu	Số thu được để lại	Tổng cộng	Trong đó:		Chi từ nguồn thu để lại (qua NSNN)	Chi từ ngân sách cấp													
										KPTC (KPTX)	KP KTC (KP KTX)		Tổng số	Thủy sản	Nông nghiệp - Thủy lợi	Lâm nghiệp	Vận tải kho bãi	Hoạt động bảo vệ MT	Kinh tế khác	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hoá, thể thao và giải trí	HD Khoa học Công nghệ	HD Bảo XH	Quản lý Hành chính- Đoàn thể- ANQP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5,689</b>	<b>4,857</b>	<b>23,618</b>	<b>1,450</b>		<b>825,615</b>	<b>742,155</b>	<b>1,653,167</b>	<b>478,153</b>	<b>1,143,015</b>	<b>31,999</b>	<b>1,621,168</b>	<b>77</b>	<b>21,113</b>	<b>6,308</b>	<b>10,252</b>	<b>36,390</b>	<b>151,205</b>	<b>557,705</b>	<b>196,683</b>	<b>87,377</b>	<b>19,978</b>	<b>127,634</b>	<b>406,446</b>	
<b>I</b>	<b>Khối cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp</b>	<b>5,440</b>	<b>4,629</b>	<b>23,618</b>	<b>1,450</b>		<b>813,259</b>	<b>729,799</b>	<b>1,507,744</b>	<b>458,282</b>	<b>1,017,463</b>	<b>31,999</b>	<b>1,475,745</b>	<b>77</b>	<b>21,113</b>	<b>6,308</b>	<b>10,252</b>	<b>33,890</b>	<b>145,439</b>	<b>554,930</b>	<b>196,683</b>	<b>84,338</b>	<b>18,885</b>	<b>127,634</b>	<b>276,196</b>	
1	VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh	30	26	-	-				10,993	4,001	6,992		10,993													10,993
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	98	91				2,500	2,500	72,715	11,068	61,647	-	72,715	-	-	-	-	-	58,151	-	-	-	-	-	-	14,564
3	Sở Tài chính	80	71	0	0	0			11,099	9,533	1,566		11,099													11,099
4	Sở Ngoại vụ	32	24	0	0	0			6,724	3,063	3,661		6,724													6,724
5	Sở Kế hoạch- Đầu tư	49	49	0	0	0	1,500	1,130	7,906	5,142	2,764		7,906					-								7,906
6	Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore	21	18	0	0	0	224	113	2,393	2,074	319		2,393													2,393
7	Thanh tra tỉnh	40	39	0	0	0			7,710	5,432	2,278		7,710													7,710
8	TT Đăng kiểm xe cơ giới						70,865	9,710	0		0		0													
9	Trường Đại học Thủ Dầu Một	610	592	11,943	0	3	18,828	18,828	159,020	90,688	50,432	17,900	141,120							136,470				4,650		
10	Trường CD nghề Việt Nam- Singapore	136	112	2,654	0	2,2 & 2,6	7,700	7,700	23,445	12,587	4,458	6,400	17,045							17,045						
11	Trường Cao đẳng Y tế	88	88	710	0	2,2 & 2,6	20,287	20,287	11,727	6,703	2,060	2,964	8,763							8,763						
12	Trường Chính trị	55	42	988	0	4	2,970	2,970	12,861	6,920	5,941		12,861							12,861				-		
13	Ban Bảo vệ Chăm sóc SK Cán bộ	20	20	0	0	0	17,000	17,000	11,854	2,202	9,652		11,854								11,854					
14	Quỹ Phát triển KHCN	4	3	0	0	0	235	235	230	0	230		230													230
15	Viện Quy hoạch PT đô thị Bình Dương						12,714	12,714	6,684		6,684		6,684						6,684							
16	Ban An toàn Giao thông								3,974		3,974		3,974				3,974									
17	Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn	246	218				26,617	26,597	58,873	23,581	35,292	-	58,873	77	21,113	6,308	-	6,631	-	-	-	-	-	-	-	24,744
18	Sở Tài nguyên - Môi trường	135	129				39,040	30,246	73,261	10,467	62,794	-	73,261	-	-	-	-	23,201	37,993	-	-	-	-	-	-	12,067
19	Sở Công thương	181	179				369	346	56,653	19,857	36,796	-	56,653	-	-	-	-	1,340	27,537	-	-	-	-	-	-	27,776
20	Sở Xây dựng	98	98				143	42	12,769	10,167	2,602	-	12,769	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,769
21	Sở Giao thông- Vận tải	84	84				55,034	47,297	13,921	7,297	6,624	-	13,921	-	-		6,278	-	-	-	-	-	-	-	-	7,643
22	Sở Giáo dục- Đào tạo	390	386	5,245			9,650	9,650	317,620	39,607	275,563	2,450	315,170	-	-	-	-	-	-	304,026	-	-	-	-	-	11,144
23	Sở Y tế	2,049	1,461		1,450		358,661	357,755	202,581	103,753	98,828	-	202,581	-	-	-	-	2,718	-	6,000	184,829	-	450	-	-	8,584
24	Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch	220	197				1,253	1,231	124,231	18,593	105,638	-	124,231	-	-	-	-	-	-	30,540		84,338	-	1,777	-	7,576
25	Đài Phát thanh - Truyền hình	0	0	0	0	0	135,000	135,000	0	0	0	-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Sở Khoa học và Công nghệ	78	71	0	0	0	7,254	7,218	20,338	5,907	14,431	-	20,338	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,061
27	Sở Thông tin - Truyền thông	61	61	0	0	0	1,345	1,345	23,889	5,415	18,474	-	23,889	-	-	-	-	-	5,612	2,654			278	-	-	15,345

STT	Tên đơn vị	Các chỉ tiêu					Dự toán thu năm 2015		Dự toán chi năm 2015			Trong đó													
		QĐ giao BC	BC thực hiện	HS, DT	GB	ĐM HS, GB, TV	Tổng thu	Số thu được để lại	Tổng cộng	Trong đó:		Chi từ nguồn thu để lại (qua NSNN)	Chi từ ngân sách cấp												
										KPTC (KPTX)	KP KTC (KP KTX)		Tổng số	Thuỷ sản	Nông nghiệp - Thuỷ lợi	Lâm nghiệp	Vận tải kho bãi	Hoạt động bảo vệ MT	Kinh tế khác	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hoá, thể thao và giải trí	HD Khoa học Công nghệ	HD Đảm bảo XH	Quản lý Hành chính-Đoàn thể-ANQP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
28	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	407	378	1,755	0		14,694	14,394	162,547	33,390	126,972	2,185	160,362	-	-	-	-	-	5,782	14,733			-	125,857	13,990
29	Sở Tư Pháp	49	47	0	0	0	8,490	4,770	10,822	4,274	6,548	-	10,822	-	-	-	-	-	2,321	-			-	-	8,501
30	Sở Nội vụ	96	79	0	0	0	304	303	72,430	8,933	63,497	-	72,430	-	-	-	-	-	1,359	19,910			-	-	51,161
31	Ban Quản lý Khu Công nghiệp	83	66	323	0		582	418	8,474	7,628	746	100	8,374	-	-	-	-	-	-	1,928		-	-	-	6,446
<b>II</b>	<b>Khối đoàn thể</b>	<b>192</b>	<b>171</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>12,356</b>	<b>12,356</b>	<b>58,465</b>	<b>19,871</b>	<b>38,594</b>	<b>-</b>	<b>58,465</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,500</b>	<b>5,766</b>	<b>775</b>		<b>3,039</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46,385</b>
32	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	28	25	0	0	0			5,456	3,238	2,218		5,456												5,456
33	Hội Cựu Chiến binh	14	14	0	0	0			3,474	1,781	1,693		3,474												3,474
34	Tinh Đoàn	88	75	0	0		11,726	11,726	32,410	7,823	24,587	-	32,410	-	-	-	-	2,500	4,298	-		3,039	-	-	22,573
35	Hội Nông dân	30	29	0	0	0	0	0	7,602	3,527	4,075	-	7,602	-	-	-	-	-	-	775			-	-	6,827
36	Hội Liên hiệp Phụ nữ	32	28	0	0		630	630	9,523	3,502	6,021	-	9,523	-	-	-	-	-	1,468	-			-	-	8,055
<b>III</b>	<b>Các tổ chức XH và XH nghề nghiệp</b>	<b>57</b>	<b>57</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16,809</b>	<b>-</b>	<b>16,809</b>	<b>-</b>	<b>16,809</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>1,093</b>	<b>-</b>	<b>15,716</b>
37	Hội Chữ thập đỏ	14	14						2,352		2,352		2,352												2,352
38	Hội Văn học Nghệ thuật	9	9						6,622		6,622		6,622												6,622
39	Hội Đông Y	8	8						530		530		530												530
40	Hội Người mù	5	5						842		842		842												842
41	Câu lạc bộ Huru trí	1	1						824		824		824												824
42	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	2	2						345		345		345												345
43	Hội Liên hiệp các hội KHKT	5	5						2,636		2,636		2,636										1,093		1,543
44	Hội Người cao tuổi	1	1						402		402		402												402
45	Liên minh các Hợp tác xã	12	12						2,256		2,256		2,256												2,256
<b>IV</b>	<b>An ninh-Quốc phòng</b>						<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70,149</b>	<b>-</b>	<b>70,149</b>	<b>-</b>	<b>70,149</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>68,149</b>
46	Bộ Chỉ huy Quân sự								36,539		36,539		36,539												36,539
47	Công an tỉnh								19,000		19,000		19,000						2,000						17,000
48	Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy								14,610		14,610		14,610												14,610



